

ĐỀ ÔN TẬP HÈ – ĐỀ SỐ 4

MÔN: TIẾNG ANH LỚP 6



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

I. Find the word which has a different sound in the part underlined.

Question 1. A. mine B. history C. exercise D. libraryQuestion 2. A. cold B. volleyball C. telephone D. openQuestion 3. A. subject B. club C. put D. lunch

II. Find which word doesn't belong each group.

Question 4. A. sofa B. chair C. toilet D. table

Question 5. A. cooker B. desk C. dishwasher D. fridge

Question 6. A. bed B. lamp C. fan D. villa

III. Choose the best answer (A, B, C or D).

Question 7. The Eiffel Tower is the most _____ landmark in the world.

A. visit B. visiting C. visited D. to visit

Question 8. When we were in Stockholm, we had coffee and cakes _____ a coffee shop _____ the old town.

A. on – on B. at – at C. in – in D. on – at

Question 9. Do you know the most _____ drink in Vietnam?

A. popular B. cheap C. hot D. best

Question 10. People in Tokyo are very polite _____ friendly.

A. or B. but C. so D. and

Question 11. Have you ever _____ to Manchester?

A. be B. been C. being D. went

Question 12. I think it is a very nice town _____ the weather is good and the people are friendly.

A. because B. if C. so D. although

Question 13. This is the first time that I _____ a 3D film.

A. watch B. watched C. watches D. have watched

Question 14. I _____ Hue four times in all.

A. visit B. visited C. visiting D. have visited

Question 15. The red double-decker bus is London's famous _____.

A. sign B. signal C. symbol D. logo

IV. Put the verbs in brackets into a suitable tense.

Question 16. My aunt and uncle (*visit*) _____ Paris last Wednesday.Question 17. Trung usually (*go*) _____ to school on foot.Question 18. Ms.Dung (*not take*) _____ the bus to work yesterday.

Question 19. I (*meet*) _____ Hien and Phuong three day ago.

Question 20. They (*not open*) _____ the shop on Saturdays and Sundays.

V. Read the passage and answer the questions.

Singapore or Singapura is a city as well as a country in South East Asia, is a little red dot located just off the southern tip of Peninsular. Singapura is a Malay word. Singa means Lion and pura means City. That is why Singapore is also known as Lion City.

This Lion City was founded as a British Colony in 1819 and it had been developed into one of the world's busiest port today. You may find lots of modern skyscrapers everywhere mixed together with a taste of traditional Chinese, Indian and Malay influences buildings. Combining with great taste food, fantastic shopping, exciting nightlife, first-class airport and connections to the rest of the world, this Lion City is a great stopover.

According to legend, Singapore was part of the Srivijayan Empire in the 13th century.

Began in 1819, Singapore was founded by Sir Thomas Stamford Raffles and he declare Singapore a free port, with no duties charged on trade. This policy had drawn traders from far and wide and turns her into one of the Asia's busiest port.

When World War II broke out, Singapore was seen as a formidable British base; with several naval defenses guarding against assault by sea. However, to their surprise, the Japanese chose to cross Malaya by bicycle instead. Despite with all the effort to hold the Japanese, Singapore had surrendered on 1942 with less than a week of fighting. The Japan occupation lasted for three years and eight months with the return of the British in 1945. After the war, Singapore became a British Colony.

Singapore had joined Malaysia for a short time in 1963 when the British left, but Singapore left Malaysia and became independent on 9 August 1965. Since then, Singapore's economy boom for the subsequent forty years and become one of the four East Asian Tigers.

(<http://www.best-singapore-guide.com/introduction-to-singapore.html>)

Question 21. When was Singapore founded?

- A. 1918 B. 1942 C. 1819 D. 1965

Question 22. How many cultures were the Lion City's building influenced by?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Question 23. Who ruled Singapore in the 13th century?

- A. Srivijayan Empire B. Chinese
C. Thomas Stamford Raffles D. Indian

Question 24. Which of the following statements is NOT true?

- A. Singapore used to be a formidable British base.
B. In 1819, Sir Thomas Stamford Raffles declared Singapore a free port.
C. When World War II broke out, Singapore was independent.
D. Singapore became independent on 9 August 1965.

Question 25. What is the purpose of this passage?

- A. To explain why Singapore is founded.
- B. To explain why Singapore's population is increasing.
- C. To present overall information of Singapore.
- D. To present the history of Singapore.

VI. Read and fill in the blanks.

Tom: Hi there.

Ben: Hello Tom. Did you enjoy your holiday?

Tom: Yes, It was great. I (31. visit) _____ many interesting places, but I (32. not have) _____ much time to buy souvenirs. I went to the beach and sunbathed at weekend. How about your trip to England?

Ben: Oh, It (33. not be) _____ so good.

Tom: Really? What did you do there?

Ben: I (34. get) _____ sick, so I stayed in the hotel and (35. watch) _____ a football match.

Question 26. A. visit B. was visit C. visited D. has visited

Question 27. A. don't have B. didn't have C. not had D. didn't has

Question 28. A. wasn't B. weren't C. am not D. not was

Question 29. A. got B. have got C. was get D. to get

Question 30. A. watched B. watching C. to watch D. has watched

VII. Rewrite the sentence so that it has a similar meaning to the original one.

Question 31. She sang a song.

=> A song _____.

Question 32. Somebody hit me.

=> I _____.

Question 33. We stopped the bus.

=> The bus _____.

Question 34. Max plays the violin. He started three years ago.

=> Max _____.

Question 35. I saw Ann yesterday but I haven't seen her today.

=> I _____.

THE END

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT**Thực hiện: Ban Chuyên môn Loigiaihay.com**

1. B	2. B	3. C	4. C	5. B	6. D	7. C	8. C	9. A	10. D
11. B	12. A	13. D	14. D	15. C	16. visited	17. goes	18. didn't take	19. met	20. don't open
21. A	22. C	23. A	24. C	25. D	26. C	27. B	28. A	29. A	30. A

31. A song was sung by her.

32. I was hit (by someone).

33. The bus was stopped by us.

34. Max has played the violin for three years.

35. I haven't seen Ann since yesterday.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT**Question 1. B****Kiến thức:** Phát âm “i”**Giải thích:**

mine /maɪn/

history /'hɪstri/

exercise /'eksəsaɪz/

library /'laɪbrəri/

Phần được gạch chân ở câu B phát âm là /ɪ/, còn lại phát âm là /aɪ/.

Đáp án B**Question 2. B****Kiến thức:** Phát âm “o”**Giải thích:**

cold /kəʊld/

volleyball /'vɒlibɔ:l/

telephone /'telɪfəʊn/

open /'əʊpən/

Phần được gạch chân ở câu B phát âm là /ɒ/, còn lại phát âm là /əʊ/.

Đáp án B**Question 3. C****Kiến thức:** Phát âm “u”**Giải thích:**

subject /'sʌbdʒɪkt/

club /klʌb/

put /pʊt/

lunch /lʌntʃ/

Phần được gạch chân ở câu C phát âm là /ʊ/, còn lại phát âm là /ʌ/.

Đáp án C**Question 4. C****Kiến thức:** Từ vựng**Giải thích:**

sofa (n): ghế sofa

chair (n): ghế

toilet (n): phòng vệ sinh

table (n): bàn

Câu C chỉ một căn phòng, còn lại chỉ đồ đạc trong nhà.

Đáp án C**Question 5. B****Kiến thức:** Từ vựng**Giải thích:**

cooker (n): nồi cơm điện

desk (n): bàn

dishwasher (n): máy rửa chén

fridge (n): tủ lạnh

Câu B chỉ đồ nội thất làm từ gỗ, kim loại, ..., còn lại chỉ thiết bị máy móc liên quan đến nấu nướng, dọn dẹp.

Đáp án B**Question 6. D****Kiến thức:** Từ vựng**Giải thích:**

bed (n): giường

lamp (n): đèn

fan (n): quạt

villa (n): biệt thự

Câu D chỉ một tòa nhà, còn lại chỉ các đồ nội thất trong nhà.

Đáp án D**Question 7. C****Kiến thức:** Từ vựng, từ loại**Giải thích:**

Ở đây sử dụng cấu trúc so sánh hơn nhất, sau “the most” cần một tính từ có từ hai âm tiết trở lên.

Cấu trúc so sánh hơn nhất với tính từ dài: S + tobe + the + most + long-adj + N + ...

visit (v/n): thăm, chuyến thăm

visiting (adj): thăm

visited (adj): được viếng thăm

Tạm dịch: Tháp Eiffel là địa danh được ghé thăm nhiều nhất trên thế giới.**Đáp án C****Question 8. C****Kiến thức:** Giới từ đứng trước địa điểm**Giải thích:**

Trước các khoảng không gian lớn như thị trấn, thành phố, quốc gia,... và các khoảng không gian khép kín như một căn phòng, tòa nhà, cái hộp,... => dùng “in”.

Ex: in a town, in a room, ...

Trước một địa điểm cụ thể => dùng “at”.

Ex: at the bus top, at the door, at the station, ...

Chỉ các vị trí trên bề mặt, tên đường,... => dùng “on”.

Ex: on the ground, the beach,...

Tạm dịch: Khi chúng tôi ở Stockholm, chúng tôi uống cà phê và thưởng thức bánh ngọt trong một quán cà phê trong khu phố cổ.

Đáp án C

Question 9. A

Kiến thức: Từ vựng, từ loại

Giải thích:

Ở đây sử dụng cấu trúc so sánh hơn nhất, sau “the most” cần một tính từ có từ hai âm tiết trở lên.

Cấu trúc so sánh hơn nhất với tính từ dài: S + tobe + the + most + long-adj + N + ...

popular (adj): phổ biến

cheap (adj): rẻ

hot (adj): nóng

best (dạng so sánh nhất của “good/well”): tốt nhất

Tạm dịch: Bạn có biết đồ uống phổ biến nào nhất ở Việt Nam không?

Đáp án A

Question 10. D

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

or: hoặc

but: nhưng

so: vì vậy

and: và

Tạm dịch: Người dân ở Tokyo rất lịch sự và thân thiện.

Đáp án D

Question 11. B

Kiến thức: Thì hiện tại hoàn thành

Giải thích:

Cấu trúc:

+ Khẳng định: S + have/has + V.p.p + ...

+ Nghi vấn: Have/has + S + V.p.p + ...?

Dạng quá khứ phân từ của “be” là “been”.

Tạm dịch: Bạn đã từng đến Manchester chưa?

Đáp án B

Question 12. A

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

because: bởi vì

if: nếu

so: vì vậy

although: mặc dù

Tạm dịch: Tôi nghĩ đây là một thị trấn rất đẹp vì thời tiết rất tốt còn người dân thì thân thiện.

Đáp án A

Question 13. D

Kiến thức: Cấu trúc “This is the first time”

Giải thích:

Cấu trúc: This is the first time + that + S + have/has + V.p.p +: Lần đầu tiên ai đó làm việc gì

Tạm dịch: Đây là lần đầu tiên tôi xem một bộ phim 3D.

Đáp án D

Question 14. D

Kiến thức: Thì hiện tại hoàn thành

Giải thích:

Thì hiện tại hoàn thành diễn tả một hành động xảy ra nhiều lần từ quá khứ đến hiện tại.

Dấu hiệu nhận biết: four times in all (bốn lần tất cả)

Cấu trúc: S + have/has + V.p.p + ...

Tạm dịch: Tôi đã đến thăm Huế bốn lần tất cả.

Đáp án D

Question 15. C

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

sign (n): một sự kiện, hành động chỉ ra rằng một điều gì đó sắp sửa xảy ra, dấu hiệu

signal (n): chuyển động hoặc âm thanh để cung cấp thông tin, hướng dẫn hoặc cảnh báo cho ai, ..., tín hiệu

symbol (n): một vật/ vật đại diện cho cái gì, biểu tượng

logo (n): chữ viết và hình vẽ được thiết kế để giúp nhận diện các công ty, tổ chức

Tạm dịch: Xe buýt hai tầng màu đỏ là biểu tượng nổi tiếng của London.

Đáp án C

Question 16

Kiến thức: Thì quá khứ đơn

Giải thích:

Thì quá khứ đơn diễn tả một sự việc đã xảy ra và kết thúc trong quá khứ.

Dấu hiệu nhận biết: last Wednesday (thứ tư tuần trước)

Cấu trúc: S + V.ed + ...

Tạm dịch: Chú và dì của tôi đã đến thăm Paris vào thứ tư tuần trước.

Đáp án: visited

Question 17

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Thì hiện tại đơn diễn tả một thói quen hoặc hành động lặp đi lặp lại trong hiện tại.

Dấu hiệu nhận biết: usually (thường xuyên)

Cấu trúc: S + V(s/es) + ...

Tạm dịch: Trung thường đi bộ đến trường.

Đáp án: goes

Question 18

Kiến thức: Thì quá khứ đơn

Giải thích:

Thì quá khứ đơn diễn tả một sự việc đã xảy ra và kết thúc trong quá khứ.

Dấu hiệu nhận biết: yesterday (hôm qua)

Cấu trúc: + Khẳng định: S + V.ed + ...

+ Phủ định: S + did + not + V(infinitive) + ...

Tạm dịch: Hôm qua cô Dung không bắt xe bus đi làm.

Đáp án: did not take (hoặc didn't take)

Question 19

Kiến thức: Thì quá khứ đơn

Giải thích:

Thì quá khứ đơn diễn tả một sự việc đã xảy ra và kết thúc trong quá khứ.

Dấu hiệu nhận biết: three day ago (ba ngày trước)

Cấu trúc: S + V.ed + ...

“meet” là động từ bất quy tắc. Dạng quá khứ của “meet” là “met”.

Tạm dịch: Ba ngày trước tôi đã gặp Hiền và Phương.

Đáp án: met

Question 20

Kiến thức: Thì hiện tại đơn

Giải thích:

Thì hiện tại đơn diễn tả lịch trình, thời gian biểu cố định.

Cấu trúc: + Khẳng định: S + V(s,es) + ...

+ Phủ định: S + don't/ doesn't + V(infinitive) + ...

Tạm dịch: Họ không mở cửa hàng vào các thứ bảy và chủ nhật hàng tuần.

Đáp án: don't open (hoặc do not open)

Question 21. A

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Singapore được thành lập vào năm nào?

A. 1918

B. 1942

C. 1819

D. 1965

Thông tin: This Lion City was founded as a British Colony in 1918

Tạm dịch: Thành phố Sư tử này được thành lập như là một thuộc địa của Anh vào năm 1918

Đáp án A

Question 22. C

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Các tòa nhà ở Thành phố sư tử chịu ảnh hưởng từ bao nhiêu nền văn hóa?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Thông tin: You may find lots of modern skyscrapers everywhere mixed together with a taste of traditional Chinese, Indian and Malay influences buildings.

Tạm dịch: Bạn có thể thấy rất nhiều tòa nhà chọc trời hiện đại ở khắp mọi nơi trộn lẫn với hương vị của các ngôi nhà mang âm hưởng của truyền thống Trung Quốc, Ấn Độ và Malay.

Đáp án C

Question 23. A

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Ai cai trị Singapore vào thế kỷ 13?

- A. Đế quốc Srivijaya B. Trung Quốc
C. Thomas Stamford Raspery D. Ấn Độ

Thông tin: According to legend, Singapore was part of the Srivijayan Empire in the 13th century.

Tạm dịch: Theo truyền thuyết, Singapore là một phần của Đế quốc Srivijaya vào thế kỷ 13.

Đáp án A

Question 24. C

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Điều nào sau đây KHÔNG đúng?

- A. Singapore từng là một căn cứ đáng gờm của Anh.
B. Vào năm 1819, Ngài Thomas Stamford Raffles tuyên bố Singapore là một cảng miễn thuế.
C. Khi Thế chiến II nổ ra, Singapore độc lập.
D. Singapore trở thành một quốc gia vào ngày 9 tháng 8 năm 1965.

Thông tin: When World War II broke out, Singapore was seen as a formidable British base; with several naval defenses guarding against assault by sea.

Tạm dịch: Khi Thế chiến II nổ ra, Singapore được coi là một căn cứ đáng gờm của Anh; với một số chốt phòng thủ hải quân chống lại cuộc tấn công bằng đường biển.

Đáp án C

Question 25. D

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Mục đích của đoạn văn này là gì?

- A. Để giải thích về việc tại sao Singapore được thành lập.
- B. Để giải thích về việc tại sao dân số của Singapore đang tăng.
- C. Để trình bày thông tin tổng quan về Singapore.
- D. Để trình bày về lịch sử của Singapore.

Bài viết trình bày về lịch sử của Singapore theo các mốc thời gian, ví dụ:

Thông tin: This Lion City was founded as a British Colony in 1918

According to legend, Singapore was part of the Srivijayan Empire in the 13th century.

Began in 1819, Singapore was founded by Sir Thomas Stamford Raffles

Tạm dịch: Thành phố Sư tử này được thành lập như là một thuộc địa của Anh vào năm 1918

Theo truyền thuyết, Singapore là một phần của Đế quốc Srivijaya vào thế kỷ 13.

Bắt đầu vào năm 1819, Singapore được thành lập bởi Ngài Thomas Stamford Raffles

Đáp án D

Dịch bài đọc:

Singapore hay Singapura là một thành phố cũng như một quốc gia ở Đông Nam Á, là một chấm đảo nhỏ nằm ngay ngoài mũi phía nam của Bán đảo. Singapura là một từ tiếng Mã Lai. Singa có nghĩa là Sư tử và pura có nghĩa là Thành phố. Đó là lý do tại sao Singapore còn được gọi là Thành phố Sư tử.

Thành phố Sư tử này được thành lập như là một thuộc địa của Anh vào năm 1918 và nó đã được phát triển thành một trong những bến cảng nhộn nhịp nhất thế giới ngày nay. Bạn có thể thấy rất nhiều tòa nhà chọc trời hiện đại ở khắp mọi nơi trộn lẫn với hương vị của các ngôi nhà mang âm hưởng của truyền thống Trung Quốc, Ấn Độ và Malay. Là một sự kết hợp hương vị ẩm thực, trải nghiệm mua sắm tuyệt vời, cuộc sống về đêm thú vị, sân bay hạng nhất và được kết nối với phần còn lại của thế giới, Thành phố Sư Tử này là một điểm dừng chân tuyệt vời.

Theo truyền thuyết, Singapore là một phần của Đế quốc Srivijaya vào thế kỷ 13.

Bắt đầu vào năm 1819, Singapore được thành lập bởi Ngài Thomas Stamford Raffles và ông tuyên bố Singapore là một cảng miễn phí, miễn thuế thương mại. Chính sách này đã thu hút các thương nhân từ rất xa và biến nó thành một trong những cảng đông đúc nhất châu Á.

Khi Thế chiến II nổ ra, Singapore được coi là một căn cứ đáng gờm của Anh; với một số chốt phòng thủ hải quân chống lại cuộc tấn công bằng đường biển. Tuy nhiên, trước sự ngạc nhiên của họ, người Nhật đã chọn băng qua Malaya bằng xe đạp. Mặc dù rất nỗ lực để chiến đấu với Nhật Bản, Singapore đã đầu hàng vào năm 1942 với chưa đầy một tuần chiến đấu. Sự chiếm đóng của Nhật Bản kéo dài trong ba năm và tám tháng với sự trở lại của người Anh vào năm 1945. Sau chiến tranh, Singapore trở thành Thuộc địa của Anh.

Singapore đã sáp nhập vào Malaysia một thời gian ngắn vào năm 1963 khi người Anh rời đi, nhưng Singapore rời khỏi Malaysia và trở thành một quốc gia độc lập vào ngày 9 tháng 8 năm 1965. Kể từ đó, nền kinh tế của Singapore bùng nổ trong bốn mươi năm sau đó và trở thành một trong bốn con hổ Đông Á.

Question 26. C

Kiến thức: Thì quá khứ đơn

Giải thích:

Trong đoạn hội thoại này, Tom và Ben đang chia sẻ về trải nghiệm của mình trong kỳ nghỉ, do đó dùng thì quá khứ đơn để kể lại những sự việc đã xảy ra trong quá khứ.

Ngữ cảnh câu hỏi ở thì quá khứ đơn => câu trả lời phải ở thì quá khứ đơn.

Cấu trúc: S + V.ed + ...

I (31. visit) _____ many interesting places

Tạm dịch: Tôi đã đến thăm rất nhiều địa điểm thú vị

Đáp án C

Question 27. B

Kiến thức: Thì quá khứ đơn

Giải thích:

Trong đoạn hội thoại này, Tom và Ben đang chia sẻ về trải nghiệm của mình trong kỳ nghỉ, do đó dùng thì quá khứ đơn để kể lại những sự việc đã xảy ra trong quá khứ.

Ngữ cảnh câu hỏi ở thì quá khứ đơn => câu trả lời phải ở thì quá khứ đơn.

Cấu trúc: S + V.ed + ...

but I (32. not have) _____ much time to buy souvenirs

Tạm dịch: nhưng tôi không có đủ thời gian để mua các món đồ lưu niệm

Đáp án B

Question 28. A

Kiến thức: Thì quá khứ đơn

Giải thích:

Trong đoạn hội thoại này, Tom và Ben đang chia sẻ về trải nghiệm của mình trong kỳ nghỉ, do đó dùng thì quá khứ đơn để kể lại những sự việc đã xảy ra trong quá khứ.

Ngữ cảnh câu hỏi ở thì quá khứ đơn => câu trả lời phải ở thì quá khứ đơn.

Cấu trúc: S + was/were + not + N/adj + ...

It (33. not be) _____ so good.

Tạm dịch: Nó không tốt lắm.

Đáp án A

Question 29. A

Kiến thức: Thì quá khứ đơn

Giải thích:

Trong đoạn hội thoại này, Tom và Ben đang chia sẻ về trải nghiệm của mình trong kỳ nghỉ, do đó dùng thì quá khứ đơn để kể lại những sự việc đã xảy ra trong quá khứ.

Ngữ cảnh câu hỏi ở thì quá khứ đơn => câu trả lời phải ở thì quá khứ đơn.

Cấu trúc: S + V.ed + ...

I (34. get) _____ sick

Tạm dịch: Tôi đã bị ốm.

Đáp án A

Question 30. A

Kiến thức: Thì quá khứ đơn

Giải thích:

Trong đoạn hội thoại này, Tom và Ben đang chia sẻ về trải nghiệm của mình trong kỳ nghỉ, do đó dùng thì quá khứ đơn để kể lại những sự việc đã xảy ra trong quá khứ.

Ngữ cảnh câu hỏi ở thì quá khứ đơn => câu trả lời phải ở thì quá khứ đơn.

Cấu trúc: S + V.ed + ...

so I stayed in the hotel and (35. watch) _____ a football match

Tạm dịch: nên tôi đã ở lại khách sạn và xem một trận bóng đá

Đáp án A

Dịch đoạn hội thoại:

Tom: Xin chào

Ben: Chào Tom. Cậu có thích kỳ nghỉ của mình không?

Tom: Có, nó rất tuyệt. Mình đã đến thăm nhiều địa điểm thú vị, nhưng mình không có đủ thời gian để mua mấy món đồ lưu niệm. Mình đã đến bờ biển và tắm nắng vào cuối tuần. Thế còn chuyến đi đến nước Anh thế nào rồi?

Ben: Oh, nó không tốt lắm.

Tom: Thật vậy ư? Bạn đã làm gì ở đó?

Ben: Mình bị ốm, nên mình đã ở lại trong khách sạn và xem một trận đấu bóng đá.

Question 31

Kiến thức: Câu bị động

Giải thích:

Cấu trúc câu ở thì quá khứ đơn:

- Chủ động: S + V.ed + O

- Bị động: S (O) + was/were + V.p.p + by O (S)

“sing” là động từ bất quy tắc: sing – sang – sung

Tạm dịch: Một bài hát đã được cô ấy hát.

Đáp án: A song was sung by her.

Question 32

Kiến thức: Câu bị động

Giải thích:

Cấu trúc câu ở thì quá khứ đơn:

- Chủ động: S + V.ed + O

- Bị động: S (O) + was/were + V.p.p + by O (S)

“hit” là động từ bất quy tắc: hit – hit – hit

Trong câu bị động, có thể bỏ: by people, by us, by them, by someone, by him, by her,...nếu chỉ đối tượng không xác định.

Tạm dịch: Tôi đã bị đâm (bởi ai đó).

Đáp án: I was hit (by someone).

Question 33

Kiến thức: Câu bị động

Giải thích:

Cấu trúc câu ở thì quá khứ đơn:

- Chủ động: S + V.ed + O

- Bị động: S (O) + was/were + V.p.p + by O (S)

Tạm dịch: Chiếc xe buýt đã bị chúng tôi dừng lại.

Đáp án: The bus was stopped by us.

Question 34

Kiến thức: Cấu trúc viết lại từ thì quá khứ đơn sang hiện tại hoàn thành

Giải thích:

S + started + V.ing + ... ago ... = S + have/has + V.p.p + since/for ...: đã làm gì từ khi nào/ trong bao lâu

“three years” là một khoảng thời gian => dùng “for”.

Tạm dịch: Max chơi violin. Anh ấy đã bắt đầu từ ba năm trước.

= Max đã chơi violin được ba năm rồi.

Đáp án: Max has played the violin for three years.

Question 35

Kiến thức: Cấu trúc viết lại câu ở thì hiện tại hoàn thành

Giải thích:

Cấu trúc: S + have/has + not + V.p.p + since/for + ...

“yesterday” (hôm qua) là một mốc thời gian => dùng “since”.

Tạm dịch: Hôm qua tôi đã gặp Ann nhưng hôm nay tôi vẫn chưa gặp cô ấy.

= Tôi chưa gặp Ann kể từ ngày hôm qua.

Đáp án: I haven't seen Ann since yesterday.